

**Thông tin Tuyển sinh dành cho
Sinh viên Quốc Tế 2026**

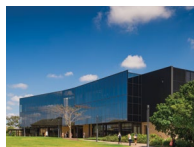


**KHÁT VỌNG KẾT
NỐI TRUYỀN CẢM
HỨNG**

Hơn cả mong đợi

Lựa chọn hành trình du học Úc của bạn

Bạn có thể lựa chọn học tập tại thành phố sôi động, vùng ngoại ô yên bình, khu vực regional hay thậm chí tại Roma với 8 cơ sở mang dấu ấn riêng biệt để bạn lựa chọn.



Cơ sở Brisbane



Cơ sở North Sydney (Sydney)



Cơ sở Strathfield (Sydney)



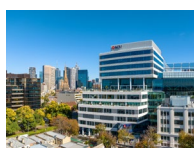
Cơ sở Blacktown (Sydney)



Cơ sở Canberra



Cơ sở Ballarat



Cơ sở Melbourne



Cơ sở Rome, Ý



Để có thêm thông tin,
vui lòng quét mã QR hoặc truy cập
acu.edu.au/locations



100%

SỬ DỤNG ĐIỆN TỬ NĂNG
LƯỢNG TÁI TẠO TẠI CÁC CƠ
SỞ Ở ÚC

Xuất sắc, được chứng minh bằng con số



Để có thêm thông tin,
vui lòng quét mã QR hoặc truy
cập [acu.edu.au/about-acu/
reputation-and-ranking/
key-statistics](https://acu.edu.au/about-acu/reputation-and-ranking/key-statistics)

Top 100

CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀNG ĐẦU TRÊN THẾ GIỚI

Bảng xếp hạng Đại học Thế Giới 2024 của Times Higher Education.



5 sao

PHÁT TRIỂN KỸ NĂNG VÀ MỨC LƯƠNG SAU TỐT NGHIỆP

Cẩm nang Các Trường Đại học Tốt nhất 2024, dành cho sinh viên bậc đại học



Top 4 tại Úc

MỨC LƯƠNG HÀNG NĂM CỦA SINH VIÊN QUỐC TẾ SAU TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC

Báo cáo Quốc tế của Khảo sát Kết quả Sinh viên Tốt nghiệp năm 2023, mức lương trung vị hàng năm khi làm việc toàn thời gian



Top 3 tại Úc

MỨC LƯƠNG HÀNG NĂM CỦA SINH VIÊN QUỐC TẾ BẬC SAU ĐẠI HỌC

Báo cáo Quốc tế của Khảo sát Kết quả Sinh viên Tốt nghiệp năm 2023, mức lương trung vị hàng năm khi làm việc toàn thời gian



Hạng 1 tại Úc

CHẤT LƯỢNG NGHIÊN CỨU

Bảng xếp hạng các Trường Đại học Thế giới của Times Higher Education (THE) 2025



Top 50 toàn cầu

GIÁO DỤC/ĐIỀU DƯỠNG

Xếp hạng Toàn cầu các Ngành học theo môn của Shanghai Ranking 2024



Hạng 1 tại Úc

THẦN HỌC, THẦN HỌC KITÔ GIÁO VÀ NGHIÊN CỨU TÔN GIÁO

Bảng xếp hạng các ngành học theo môn của QS 2025



Top 100 toàn cầu

KHOA HỌC THỂ THAO VÀ THỂ DỤC

Xếp hạng Toàn cầu các Trường và Khoa Khoa học Thể thao của Shanghai Ranking 2024



Hạng 5 tại Úc

TÂM LÝ HỌC

Xếp hạng Toàn cầu các Ngành học theo môn của Shanghai Ranking 2024



Top 150 toàn cầu

CỔ ĐIỂN HỌC VÀ LỊCH SỬ CỔ ĐẠI

Bảng xếp hạng các ngành học theo môn của QS 2025



Bằng cấp mở ra sự nghịệp xán lạn

Lợi ích từ trải nghiệm thực tiễn, bao gồm học tập kết hợp với thực tập và tình nguyện.



Thay đổi thế giới

Chọn một chương trình học sẽ giúp bạn sẵn sàng tạo ra sự khác biệt.



Tư duy toàn cầu

Học tại một trường đại học có mạng lưới kết nối mang tính chuyển đổi ở gần như khắp nơi trên thế giới.



Tìm đúng hướng đi của bạn

Tạo lộ trình học tập quốc tế phù hợp nhất với bạn.



Trường đại học của bạn

ACU chào đón tất cả mọi người, bất kể nền văn hóa, tín ngưỡng hay con đường bạn theo đuổi.



Một môi trường đầy yêu thương

Nơi bạn nhận được hỗ trợ và cảm thấy kết nối ngay từ khi bạn đặt chân tới.

Yêu cầu đầu vào tối thiểu

Đảm bảo bạn có nền tảng học thuật cần thiết để theo đuổi hành trình học tập của mình tại ACU.

YÊU CẦU ĐẦU VÀO CỦA ACU

Khi đánh giá hồ sơ ứng tuyển vào ACU, các ứng viên tiềm năng phải đáp ứng các yêu cầu đầu vào tối thiểu cụ thể, tùy thuộc vào quốc gia và bằng cấp của ứng viên. Các yêu cầu này được đặt ra để đảm bảo mỗi ứng viên có nền tảng học thuật cần thiết để thành công trong chương trình mà ứng viên lựa chọn.



Bạn muốn biết thêm thông tin?

Vui lòng quét mã QR hoặc truy cập acu.edu.au/minimum-academic-entry-requirements

Bảng tham chiếu/ Bảng quy đổi các chứng chỉ tiếng Anh

Nếu bạn đang nộp đơn ứng tuyển vào ACU và tiếng Anh không phải là ngôn ngữ mẹ đẻ của bạn, việc đáp ứng các yêu cầu về trình độ tiếng Anh tối thiểu của chúng tôi là rất quan trọng.

ACU ENGLISH LANGUAGE TEST	IELTS1	ILSC2	PTE3	TOEFL4	TOEFL WRITING	TOEFL READING	TOEFL SPEAKING	TOEFL LISTENING	CAMBRIDGE ADVANCED ENGLISH (CAE)
E (<49%)	5	I2	36	32	14	4	14	4	155
D (50 – 59%)	5.5	I3	42	46	18	8	16	7	162
C (60-62%) C+ (63 – 64%)	6	I4	50	60	21	13	18	12	169
B (65-74%)	6.5	A1	58	79	24	19	20	20	176
A (75-79%)	7	A2	66	94	27	24	23	24	185
A+ (80 – 84%)	7.5	N/A	73	102	29	27	24	27	191
A++ (85%+)	8	N/A	79	110	30	29	26	28	200

Lưu ý: Đối với các chương trình yêu cầu IELTS tương đương 6.0 và 6.0 cho từng kỹ năng, bạn sẽ cần đạt điểm C+ trong bài kiểm tra tiếng Anh của ACU.

1. IELTS – International Language Testing System 2. ILSC – International Language Schools of Canada 3. PTE – Bài kiểm tra tiếng Anh Pearson – The Pearson Test of English 4. TOEFL – Test of English as a Foreign Language.

Hành trình học tập của bạn, được hỗ trợ tài chính

Với danh mục học bổng phong phú, việc nhận được hỗ trợ tài chính bạn cần chưa bao giờ dễ dàng hơn thế.

HỌC BỔNG ACU

Hàng trăm suất học bổng được trao mỗi năm cho những sinh viên như bạn! Chúng tôi không chỉ ghi nhận những sinh viên xuất sắc về học thuật với các học bổng dựa trên thành tích, mà còn có nhiều lựa chọn khác dựa trên ngành học, quốc tịch hoặc hoàn cảnh cá nhân của bạn.



Muốn biết thêm thông tin?

Vui lòng quét mã QR hoặc truy cập acu.edu.au/international-student-scholarships

CƠ HỘI NHẬN TÀI TRỢ TỪ ĐỐI TÁC:

Bên cạnh học bổng của trường, bạn cũng có thể tìm thấy nguồn tài trợ từ Chính phủ Úc, các công ty tư nhân, tổ chức quốc tế hoặc chính quyền địa phương. Hãy dành thời gian tìm hiểu và khám phá những gì bạn có thể đủ điều kiện nhận được.



Chỗ ở

Tìm được nơi để gọi là nhà là một việc quan trọng để bạn cảm thấy an toàn và ổn định khi đặt chân tới một thành phố mới.

Chúng tôi cung cấp nhiều lựa chọn chỗ ở phù hợp về ngân sách, vị trí và nhu cầu lối sống của bạn. Để được hỗ trợ, hãy gửi email đến rental.advisory@acu.edu.au.

KÝ TÚC XÁ CỦA ACU

Tận hưởng các khu nhà được trang bị đầy đủ nội thất tại Sydney, Canberra, và Ballarat với mức phí tuần đã bao gồm tất cả các chi phí tiện ích. Đối với Brisbane và Melbourne, sinh viên có thể tìm thuê nhà qua Unilodge.

THUÊ NHÀ RIÊNG

Thuê nhà riêng là lựa chọn lý tưởng về sự độc lập và đa dạng về lựa chọn, bao gồm căn hộ studio và thuê nhà chung. Phí thuê thường không bao gồm nội thất, tiện ích và thực phẩm.

Ở CÙNG NGƯỜI BẢN XỨ

Thải nghiệm cuộc sống với gia đình người Úc với hình thức homestay là một lựa chọn lý tưởng cho sinh viên quốc tế. Phí bao gồm tiền thuê, nội thất, tiện ích và một số bữa ăn trong ngày.



Muốn biết thêm thông tin?

Vui lòng quét mã QR hoặc truy cập acu.edu.au/student-life/student-accommodation

Học phí dành cho Sinh viên Quốc tế 2026

Chương trình đào tạo	HỌC PHÍ HÀNG NĂM (AUD)
KHOA LUẬT VÀ KINH DOANH	
Cử nhân Kế toán và Tài chính	\$34,968
Cử nhân Khoa học Xã hội/Cử nhân Thương mại	\$34,968
Cử nhân Khoa học Xã hội/Cử nhân Luật	\$36,800
Cử nhân Khoa học Y sinh/Cử nhân Luật	\$36,800
Cử nhân Kinh doanh	\$34,968
Cử nhân Kinh doanh/Cử nhân Luật	\$36,800
Cử nhân Thương mại	\$34,968
Cử nhân Thương mại/Cử nhân Luật	\$36,800
Cử nhân Khoa học Máy tính/Thạc sĩ Khoa học Dữ liệu	\$39,000
Cử nhân Tội phạm học và Tư pháp Hình sự	\$36,800
Cử nhân Tội phạm học và Tư pháp Hình sự (Danh dự)	\$36,800
Cử nhân Tội phạm học và Tư pháp Hình sự/Cử nhân Luật	\$36,800
Cử nhân Nhân quyền/Cử nhân Tội phạm học và Tư pháp Hình sự	\$36,800
Cử nhân Nhân quyền/Cử nhân Luật	\$36,800
Cử nhân Công nghệ Thông tin	\$34,968
Cử nhân Công nghệ Thông tin/Cử nhân Kinh doanh	\$34,968
Cử nhân Luật	\$36,800
Cử nhân Luật (Dành cho sinh viên đã tốt nghiệp)	\$36,800
Cử nhân Luật/Cử nhân Nghiên cứu Toàn cầu	\$36,800
Cử nhân Luật/Cử nhân Phát triển Bền vững Xã hội và Môi trường	\$36,800
Cử nhân Khoa học Dinh dưỡng/Cử nhân Kinh doanh	\$34,968
Cử nhân Triết học/Cử nhân Luật	\$36,800
Cử nhân Khoa học Tâm lý/Cử nhân Luật	\$36,800
Cử nhân Thần học/Cử nhân Luật	\$36,800
Chứng chỉ Sau đại học về Quản trị Kinh doanh	\$19,048
Chứng chỉ Sau đại học về Công nghệ Thông tin	\$19,048
Chứng chỉ Sau đại học về Đổi mới và Khởi nghiệp	\$18,456
Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh	\$38,096
Thạc sĩ Công nghệ Thông tin	\$38,096
Thạc sĩ Kế toán Chuyên nghiệp	\$38,096
KHOA GIÁO DỤC VÀ KHOA HỌC XÃ HỘI	
Cử nhân Khoa học Xã hội	\$35,624
Cử nhân Khoa học Xã hội/Cử nhân Nghiên cứu Toàn cầu	\$35,624
Cử nhân Khoa học Xã hội/Thạc sĩ Sư phạm (Trung học)	\$35,624
Cử nhân Khoa học Xã hội (Văn minh phương Tây)/Thạc sĩ Sư phạm (Trung học)	\$35,624
Cử nhân Kinh doanh/Cử nhân Nghiên cứu Toàn cầu	\$35,624
Cử nhân Thương mại/Cử nhân Nghiên cứu Toàn cầu	\$38,824

Chương trình đào tạo	HỌC PHÍ HÀNG NĂM (AUD)
KHOA GIÁO DỤC VÀ KHOA HỌC XÃ HỘI	
Cử nhân Khoa học Xã hội Sáng tạo	\$35,624
Cử nhân Giáo dục Mầm non (Từ sơ sinh đến 5 tuổi)	\$35,624
Cử nhân Nghiên cứu Giáo dục	\$35,624
Cử nhân Sư phạm (Mầm non và Tiểu học)	\$35,624
Cử nhân Sư phạm (Tiểu học)	\$35,624
Cử nhân Sư phạm (Tiểu học và Trung học)	\$35,624
Cử nhân Sư phạm (Trung học)	\$35,624
Cử nhân Sư phạm (Trung học và Giáo dục Đặc biệt)	\$35,624
Cử nhân Sư phạm (Trung học)/Cử nhân Khoa học Xã hội (Thiết kế sáng tạo và Công nghệ)	\$35,624
Cử nhân Sư phạm (Trung học)/Cử nhân Khoa học Xã hội (Nhân văn)	\$35,624
Cử nhân Sư phạm (Trung học)/Cử nhân Khoa học Xã hội (Toán học)	\$35,624
Cử nhân Sư phạm (Trung học)/Cử nhân Khoa học Xã hội (Mỹ thuật)	\$35,624
Cử nhân Sư phạm (Trung học)/Cử nhân Khoa học Thể dục	\$35,624
Cử nhân Nhân quyền	\$35,624
Cử nhân Phát triển Bền vững Xã hội và Môi trường	\$35,624
Cử nhân Phát triển Bền vững Xã hội và Môi trường/Cử nhân Thương mại	\$35,624
Cử nhân Phát triển Bền vững Xã hội và Môi trường/Cử nhân Nghiên cứu Toàn cầu	\$35,624
Cử nhân Thần học/Cử nhân Nghiên cứu Toàn cầu	\$35,624
Cử nhân Mỹ thuật và Thiết kế	\$35,624
Cử nhân Công tác Thanh niên	\$35,624
Thạc sĩ Giáo dục	\$35,624
Thạc sĩ Khoa học Xã hội Tự do (Văn minh phương Tây)	\$35,624
Thạc sĩ Sư phạm (Mầm non và Tiểu học)	\$35,624
Thạc sĩ Sư phạm (Tiểu học)	\$35,624
Thạc sĩ Sư phạm (Trung học)	\$35,624
Thạc sĩ Sư phạm (Trung học)/Chứng chỉ Sau đại học về Giáo dục Tôn giáo	\$35,624
KHOA KHOA HỌC SỨC KHỎE	
Cử nhân Khoa học Y sinh	\$32,392
Cử nhân Khoa học Y sinh/Cử nhân Kinh doanh	\$35,664
Cử nhân Khoa học Thể dục và Thể thao	\$32,392
Cử nhân Khoa học Thể dục và Thể thao/Cử nhân Khoa học Dinh dưỡng	\$32,392

Lưu ý (tháng 7/2025): Thông tin chính xác tại thời điểm in. Trường có quyền điều chỉnh, hủy hoặc thay đổi nội dung mà không cần thông báo.
Học phí ước tính hàng năm dựa trên khối lượng học toàn thời gian 80 tín chỉ (cp) hoặc 40cp cho khóa học 6 tháng. Học phí có thể thay đổi tùy vào số lượng môn học đăng ký mỗi học kỳ. Học phí hiển thị là mức hàng năm bằng đô la Úc. Để biết tổng học phí ước tính, vui lòng xem trang thông tin từng khóa học. Tất cả chương trình có thể thay đổi.

Học phí dành cho Sinh viên Quốc tế 2026

Chương trình đào tạo	HỌC PHÍ HÀNG NĂM (AUD)
KHOA KHOA HỌC SỨC KHỎE	
Cử nhân Khoa học Thể dục/Cử nhân Quản trị Kinh doanh	\$35,664
Cử nhân Điều dưỡng	\$39,280
Cử nhân Điều dưỡng (Y tá đã đăng ký)	\$39,280
Cử nhân Khoa học Dinh dưỡng	\$32,392
Cử nhân Trị liệu Hoạt động	\$52,544
Cử nhân Vật lý Trị liệu	\$52,544
Cử nhân Khoa học Tâm lý	\$ 32,392
Cử nhân Khoa học Tâm lý (Danh dự)	\$ 32,392
Cử nhân Khoa học Tâm lý/Cử nhân Khoa học Xã hội	\$32,392
Cử nhân Khoa học Tâm lý/Cử nhân Thương mại	\$35,664
Cử nhân Khoa học Tâm lý/Cử nhân Tội phạm học và Tư pháp Hình sự	\$35,664
Cử nhân Khoa học Tâm lý/Cử nhân Khoa học Thể dục và Thể thao	\$32,392
Cử nhân Khoa học Tâm lý/Cử nhân Khoa học Dinh dưỡng	\$32,392
Cử nhân Tâm lý học (Danh dự)	\$32,392
Cử nhân Công tác Xã hội	\$32,392
Cử nhân Ngữ âm Trị liệu	\$52,544
Văn bằng Sau đại học về Y tế Công cộng	\$32,072
Thạc sĩ Sinh lý học Vận động Lâm sàng	\$32,072
Thạc sĩ Thực hành Dinh dưỡng	\$45,640
Thạc sĩ Lãnh đạo và Quản lý trong Chăm sóc Sức khỏe	\$32,688
Thạc sĩ Tâm lý học (Lâm sàng)	\$37,152
Thạc sĩ Tâm lý học Chuyên nghiệp	\$37,152
Thạc sĩ Tâm lý học (Giáo dục và Phát triển)	\$37,152
Thạc sĩ Y tế Công cộng	\$32,072
Thạc sĩ Y tế Công cộng (Sức khỏe Toàn cầu và Vận động chính sách)	\$32,072
Thạc sĩ Công tác Xã hội (Đủ điều kiện)	\$32,072
KHOA THẦN HỌC VÀ TRIẾT HỌC	
Cử nhân Thần học	\$28,648
Cử nhân Thần học/Cử nhân Triết học	\$28,648
CÁC CHƯƠNG TRÌNH NGHIÊN CỨU	
Tiến sĩ Mục vụ (Doctor of Ministry)	\$34,728
Tiến sĩ Nghiên cứu (PhD)	\$34,728
Thạc sĩ Nghiên cứu	\$34,728

Lưu ý (tháng 7/2025): Thông tin chính xác tại thời điểm in. Trường có quyền điều chỉnh, hủy hoặc thay đổi nội dung mà không cần thông báo.
Học phí ước tính hàng năm dựa trên khối lượng học toàn thời gian 80 tín chỉ (cp) hoặc 40cp cho khóa học 6 tháng. Học phí có thể thay đổi tùy vào số lượng môn học đăng ký mỗi học kỳ. Học phí hiển thị là mức hàng năm bằng đô la Úc. Để biết tổng học phí ước tính, vui lòng xem trang thông tin từng khóa học. Tất cả chương trình có thể thay đổi.

Chương trình đào tạo	HỌC PHÍ HÀNG NĂM (AUD)
CHƯƠNG TRÌNH DỰ BỊ VÀ CAO ĐẲNG	
Cao đẳng Khoa học Y sinh	\$28,344
Cao đẳng Kinh doanh	\$32,232
Cao đẳng Tội phạm học	\$33,920
Cao đẳng Nghiên cứu Giáo dục (Chuẩn bị Đại học)	\$35,624
Cao đẳng Khoa học Thể dục	\$28,344
Cao đẳng Công nghệ Thông tin	\$32,232
Cao đẳng Khoa học Xã hội Khai phóng	\$35,624
Cao đẳng Khoa học Dinh dưỡng	\$28,344
Cao đẳng Mỹ thuật và Thiết kế	\$35,624
Cao đẳng Công tác Thanh niên	\$35,624
Chương trình Dự bị Đại học	\$23,120
Chương trình Chuẩn bị Đại học (Khoa học Sức khỏe)	\$20,000
DU HỌC VÀ TRAO ĐỔI	
Trao đổi Sinh viên	NIL
Du học, Du học+	\$10,640 ¹
Du học (học phí tính theo học kỳ)	\$2,660 ²

Ghi chú:
1. Học phí Du học và Trao đổi là mức phải trả cho mỗi học kỳ (40cp).
2. Mức giá thể hiện chi phí cho mỗi môn 10cp.



Muốn tìm hiểu thêm?

Để xem thông tin chi tiết và mới nhất về khóa học, vui lòng truy cập:
acu.edu.au/courses

Nộp hồ sơ ngay



Quét mã QR hoặc truy cập
acu.edu.au/iapply để nộp hồ sơ.

Thông tin khóa học



Để cập nhật thông tin khóa học và
học phí mới nhất, vui lòng quét mã
QR hoặc truy cập
acu.edu.au/courses

Các trang web hữu ích:



Tìm kiếm Công ty tư vấn Du học đối tác:
acu.edu.au/int_agents



Câu chuyện sinh viên và cựu sinh viên:
acu.edu.au/international-students/blog

Có thắc mắc?

Liên hệ ngay để được hỗ trợ
study.international@acu.edu.au
acu.edu.au/int_contact
+61 3 9007 0643



HƯỚNG DẪN KHÓA HỌC QUỐC TẾ BẢN ONLINE

ACU cam kết với mục tiêu phát triển bền vững.
Nếu bạn muốn truy cập Hướng dẫn Khóa học Quốc
tế bản online, vui lòng quét mã QR hoặc truy cập:
acu.therack.live/international-guide



THEO DÕI CHÚNG TÔI

Để theo dõi các kênh mạng xã hội của chúng tôi,
vui lòng quét mã QR hoặc truy cập:
acu.edu.au/international-students/follow-us

Australian Catholic University nỗ lực đảm bảo thông tin trong ấn phẩm này là chính xác tại thời điểm phát hành (tháng 7/2025). Tuy nhiên, một số nội dung có thể được chỉnh sửa mà không cần thông báo trước nhằm đáp ứng các thay đổi trong hoàn cảnh hoặc vì bất kỳ lý do nào khác. Vui lòng kiểm tra trình duyệt khóa học trên website ACU để có thông tin mới nhất.

Nhà trường thực hiện các hoạt động của mình theo Luật Dịch vụ Giáo dục cho Sinh viên Quốc tế (ESOS) 2000.

ACU được Cơ quan Tiêu chuẩn và Chất lượng Giáo dục Đại học (TEQSA) của Chính phủ Úc công nhận và cấp phép hoạt động.